

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch vùng
huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KỶ ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐCP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng-QCVN 01:2021/BXD; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 05/2020/QĐUBND ngày 20/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2019/QĐUBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN KỶ ANH ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 8179/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh)

PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển, đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo chỉnh trang trên địa bàn huyện Kỳ Anh, đảm bảo theo đúng đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở để quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

PHẦN II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN KỶ ANH ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

1.1. Phạm vi, ranh giới: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Kỳ Anh với tổng diện tích tự nhiên: 760,27 km².

1.2. Ranh giới:

- Phía Bắc giáp huyện Cẩm Xuyên;
- Phía Nam giáp Thị xã Kỳ Anh;
- Phía Tây giáp tỉnh Quảng Bình;
- Phía Đông giáp biển Đông.

2. Quy mô dân số

2.1. Hiện trạng: 123.294 người (Trong đó toàn bộ dân số là nông thôn).

2.2. Đến năm 2040: Dự báo dân số trung bình khoảng 159.343 người, trong đó dân số đô thị đạt 46.940 người, dân số nông thôn 112.403 người.

2.3. Đến năm 2050: Dự báo dân số trung bình khoảng 187.246 người, trong đó dân số đô thị khoảng 63.084 người, dân số nông thôn 124.162 người.

3. Quy mô đất đai

- Dự báo đất đai năm 2040: Đất phát triển đô thị tăng thêm 10.000 – 15.000 ha; Đất phát triển các điểm dân cư nông thôn tăng thêm 1.500 ÷ 2.000 ha; Đất dịch vụ, công cộng ngoài đô thị tăng thêm 200 – 700 ha; Đất du lịch tăng thêm 550 ÷ 800ha; Đất công nghiệp tăng thêm 150 – 250 ha.

- Dự báo đất đai năm 2050 (so với năm 2040): Đất phát triển đô thị tăng thêm 1.000 – 5.000 ha; Đất phát triển các điểm dân cư nông thôn tăng thêm 500 ÷ 1.000 ha; Đất dịch vụ, công cộng ngoài đô thị tăng thêm 200 – 500 ha; Đất du lịch tăng thêm 300 ÷ 500 ha; Đất công nghiệp tăng thêm 100 – 200 ha.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Các phân vùng để quản lý phát triển

1.1. Tiểu vùng 1 - Vùng kinh tế tiệm cận đô thị phía Nam:

Phạm vi: Thuộc các khu vực lân cận đô thị Kỳ Anh, trung tâm kinh tế phía Nam của tỉnh: Kỳ Châu, Kỳ Hải, Kỳ Thu, Kỳ Thọ, Kỳ Văn, Kỳ Tân. Khu vực này có Quốc lộ 1, đường tránh Quốc lộ 1, đường Cao tốc Bắc Nam, quy hoạch đường sắt tốc độ cao đi qua.

Với sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của đô thị thị xã Kỳ Anh, khu kinh tế Vũng Áng, các vùng phụ cận sẽ có cơ sở, tiền đề để phát triển các dịch vụ hỗ trợ đô thị như: hạ tầng, thương mại dịch vụ, nông nghiệp chất lượng cao cung ứng đô thị và khu kinh tế Vũng Áng. Bên cạnh đó với lợi thế tuyến đường tránh Quốc lộ 1 đi qua đô thị Kỳ Anh, nút giao đường Cao tốc Bắc Nam tại xã Kỳ Tân tạo ra động lực phát triển dịch vụ vận tải, trung chuyển hành khách, logistic...

1.2. Tiểu vùng 2 - Vùng kinh tế phía Tây Nam:

Phạm vi: Thuộc các xã Kỳ Thượng, Kỳ Sơn, Kỳ Lạc, Kỳ Tây, Kỳ Trung và đô thị Lâm Hợp. Khu vực này có tuyến Quốc lộ 12C, đường tỉnh DT.554 nối Cẩm Xuyên và Quảng Bình, có quy hoạch đường sắt xuyên Á đi qua

Phát triển kinh tế rừng, vườn đồi với các sản phẩm: cây nguyên liệu, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao... bên cạnh việc phát triển đô thị miền núi, thương mại dịch vụ, đầu mối giao thương sản phẩm sản xuất cho người dân địa phương, logistic. Ngoài ra cùng dự án thủy lợi Rào Trỏ đang được xây dựng, Khu di tích Quốc gia Lũy đá cổ ở Kỳ Lạc, cảnh quan rừng núi cũng là động lực phát triển du lịch, thương mại dịch vụ cho vùng này.

1.3. Tiểu vùng 3 - Vùng kinh tế biển:

Phạm vi: Thuộc các xã Kỳ Phú, Kỳ Khang và đô thị Kỳ Xuân. Khu vực này có Quốc lộ ven biển; bãi biển dài với những bãi cát đẹp và cảnh quan đa dạng phong phú.

Khu vực này thuận lợi cho việc phát triển du lịch, kinh tế biển với các loại hình như dịch vụ nghỉ dưỡng, thương mại dịch vụ, đánh bắt, chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, nông nghiệp chất lượng cao. Dọc theo trục Quốc lộ ven biển, khai thác quỹ đất để hình thành khu vực phát triển dịch vụ công nghiệp hỗ trợ KKT Vũng Áng, đón đầu nhu cầu đất phát triển mở rộng của khu kinh tế.

1.4. Tiểu vùng 4 - Vùng kinh tế trung tâm theo trục Quốc lộ 1:

Phạm vi: Thuộc các xã Kỳ Tiến, Kỳ Bắc, Kỳ Khang, Kỳ Giang, Kỳ Thọ, Kỳ Văn, Kỳ Thư, Kỳ Châu và 02 đô thị Kỳ Phong và Kỳ Đồng, có Quốc lộ 1 chạy qua.

Khu vực này được hình thành từ lâu và là trục phát triển thương mại chính của huyện Kỳ Anh trước đây. Trên cơ sở hiện trạng cùng với việc phát triển của các đô thị và vùng kinh tế dọc theo trục Quốc lộ 1, khu vực trung tâm này vẫn sẽ là vùng kinh tế quan trọng cho huyện Kỳ Anh với lợi thế phát triển thương mại dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp chất lượng cao ...

2. Quy định phân vùng phát triển kinh tế

Định hướng phân vùng phát triển kinh tế trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2.1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

2.1.1. Xây dựng cụm công nghiệp Kỳ Phong: diện tích dự kiến đến 2030 là 30 ha, đến 2050 là 50ha, tại cồn Mụ Phạm, xã Kỳ Phong, huyện Kỳ Anh. Ngành nghề ưu tiên: đa ngành nghề, trọng tâm là chế biến nông, lâm sản; VLXD; gia công cơ khí...

2.1.2. Xây dựng cụm công nghiệp Đồng Khang: diện tích dự kiến đến 2030 là 40ha, đến 2050 là 55ha, tại vùng Cầu Khe Đá, xã Kỳ Đồng và vùng tiếp giáp thuộc xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh. Ngành nghề ưu tiên: đa ngành nghề, trọng tâm là chế biến nông, lâm sản; VLXD; gia công cơ khí...

2.1.3. Xây dựng cụm công nghiệp Kỳ Khang: diện tích dự kiến đến 2030 là 50ha, đến 2050 là 50ha, tại vùng Nương Cộ và Đồng Chòi, xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh. Ngành nghề ưu tiên: đa ngành nghề; trọng tâm là chế biến nông, lâm sản; VLXD; gia công cơ khí; công nghiệp phụ trợ cho Khu Kinh tế Vũng Áng.

2.1.4. Xây dựng cụm công nghiệp Kỳ Tân: diện tích dự kiến đến 2030 là 30ha, đến 2050 là 75ha, nằm trên trục Quốc lộ 12C, thuộc xã Kỳ Tân, huyện Kỳ Anh. Ngành nghề ưu tiên: đa ngành nghề, trọng tâm là chế biến nông, lâm sản, VLXD, hỗ trợ các ngành nghề sau sản xuất điện, thép, logistic.

2.1.5. Xây dựng cụm công nghiệp Lâm Hợp: diện tích dự kiến đến 2030 là 30ha, đến 2050 là 50ha, tại vùng Trại Chè, thôn Minh Châu, xã Lâm Hợp, huyện Kỳ Anh. Ngành nghề ưu tiên: Đa ngành nghề, trọng tâm là chế biến nông, lâm sản, VLXD, hỗ trợ các ngành nghề sau sản xuất điện, thép, Logistic.

2.1.6. Quy hoạch các vùng phát triển năng lượng tái tạo ở các khu vực có lợi thế về điều kiện tự nhiên, khí hậu như Kỳ Xuân, Kỳ Khang, Kỳ Phú, Kỳ Lạc, Kỳ Sơn, Kỳ Tân, ...

2.2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

2.2.1. Vùng đồi núi: Gắn với các sản phẩm chủ lực là cây chè chất lượng cao, cây nguyên liệu, cây dược liệu, vùng chăn nuôi tập trung bò thịt, lợn thịt, gia cầm (gà, vịt),..., trong đó:

+ Vùng trồng chè tập trung chủ yếu tại Lâm Hợp, Kỳ Thượng, Kỳ Tây, Kỳ Sơn, Kỳ Trung, Kỳ Lạc.

+ Vùng trồng cây nguyên liệu, dược liệu tập trung phía Tây, chủ yếu tại Kỳ Sơn, Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Thượng, Kỳ Lạc...

+ Vùng chăn nuôi tập trung tại các xã: Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Phong, Kỳ Lạc, Kỳ Thượng.

2.2.2. Vùng đồng bằng và vùng trung tâm: Gồm khu vực các xã Kỳ Bắc, Kỳ Tiến, Kỳ Giang, Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Khang, Kỳ Tân, Kỳ Đồng, Kỳ Văn. Sản phẩm chủ lực: Lúa, rau màu chất lượng cao và chăn nuôi gia súc (bò), gia cầm, cá tôm,...

2.2.3. Vùng ven biển: Gồm các xã Kỳ Xuân, Kỳ Phú, Kỳ Khang, Kỳ Hải, Kỳ Thọ, Kỳ Thu. Trước năm 2030 là nuôi trồng thủy sản, phát triển nuôi tôm thâm canh công nghệ cao tại các xã ven biển, xây dựng các khu dịch vụ hậu cần nghề biển. Sau 2030 chuyển hướng dần từ nuôi trồng thủy sản sang các dịch vụ hỗ trợ du lịch và các sản phẩm phục vụ du lịch. Quy hoạch, xác định các khu vực phù hợp để đầu tư các dự án, phát triển các chương trình phù hợp và tránh xung đột với khu vực khai thác du lịch.

2.3. Quy định đối với vùng không gian phát triển du lịch

2.3.1. Định hướng vùng, không gian phát triển du lịch trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

2.3.2. Vùng du lịch trung du và miền núi:

Thuộc các xã Kỳ Trung, Kỳ Giang, Kỳ Tây, Kỳ Thượng, ... Khai thác lợi thế về địa hình miền núi, trung du kết hợp các hồ đập lớn như, các di chỉ văn hóa, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung tạo nên tiềm năng phát triển du lịch khám phá, du lịch cảnh quan, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm ... góp phần tăng trưởng kinh tế và đa dạng du lịch cho huyện.

2.3.3. Vùng du lịch biển:

Thuộc các xã Kỳ Xuân, Kỳ Phú, Kỳ Khang, khai thác lợi thế hơn 24km bờ biển với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, biển kết hợp với núi, đá ... Đây là vùng gần như duy nhất tại bờ biển Hà Tĩnh có sự đa dạng về địa hình biển tạo nên sức hút lớn đến du khách. Bên cạnh đó kết hợp các di tích văn hóa, các vùng sản xuất tạo nên khu vực du lịch kinh tế động lực cho toàn huyện. Cùng với các KDL khác như Thiên Cầm, Cẩm Lĩnh, Kỳ Ninh tạo thành chuỗi du lịch biển cho khu vực phía Nam Hà Tĩnh.

2.3.4. Chuỗi du lịch tâm linh, địa chỉ đỏ:

Huyện Kỳ Anh có nhiều di tích lịch sử cấp Quốc gia, cấp tỉnh, là tiềm năng để phát triển chuỗi du lịch văn hóa tâm linh, địa chỉ đỏ hoặc liên kết với các địa điểm, hình thức du lịch khác. Như chuỗi du lịch thăm quan địa chỉ văn hóa kết hợp du lịch tâm linh như Chùa Hữu Lạc, Đền Phương Giai (xã Kỳ Bắc), Lũy đá cổ Kỳ Anh (tại xã Kỳ Lạc),...

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

1.1. Định hướng vùng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016-2030 phê duyệt tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 23/01/2017; Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2. Đô thị Kỳ Đồng: Trên cơ sở diện tích hiện nay xã Kỳ Đồng, diện tích là 13,94 km². Kỳ Đồng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, thương mại dịch vụ của huyện Kỳ Anh. Định hướng đến năm 2025 đạt đô thị loại V.

1.3. Đô thị Kỳ Xuân: trên cơ sở diện tích hiện nay của xã Kỳ Xuân là 22,93 km². Đô thị Kỳ Xuân là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch biển. Định hướng đến năm 2030 đạt đô thị loại V.

1.4. Đô thị Kỳ Phong: trên cơ sở diện tích hiện nay của xã Kỳ Phong là 30,06 km². Đô thị Kỳ Phong là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghiệp. Định hướng đến năm 2030 đạt đô thị loại V.

1.5. Đô thị Lâm Hợp: trên cơ sở diện tích hiện nay của xã Lâm Hợp là 60,79 km² (sáp nhập từ xã Kỳ Lâm và Kỳ Hợp theo Nghị quyết số 819/NQ-UBTVQH11 ngày 21/11/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Đô thị Lâm Hợp là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, logistics, đầu mối phía Tây Nam của huyện. Định hướng đến năm 2030 đạt đô thị loại V.

1.6. Đô thị Kỳ Trung: trên cơ sở diện tích hiện nay của xã Kỳ Trung là 30,06 km². Đô thị Kỳ Trung là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch, thể dục thể thao kết hợp cảnh quan. Định hướng đến năm 2030 đạt đô thị loại V.

2. Quy định về quản lý vùng nông thôn

2.1. Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “ Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “ Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn với nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

2.2. Vùng dân cư nông thôn: Vùng dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã, quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn. Phân bố trên địa bàn các xã với tổng diện tích đất phát triển điểm dân cư nông thôn tăng thêm đến năm 2040 khoảng 1.500÷2.000 ha; đến năm 2050 tăng thêm khoảng 500 ÷ 1.000 ha.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Quy định về trung tâm hành chính

Hạ tầng xã hội cấp huyện: Hạ tầng xã hội cấp vùng huyện tập trung chủ yếu ở đô thị Kỳ Đồng và một số xã; một số công trình: Trung tâm chính trị huyện, trung tâm y tế huyện, trung tâm văn hóa huyện ở Kỳ Đồng, khu du lịch biển ở Kỳ Xuân, trung tâm logistics Lâm Hợp, Kỳ Trung,...

Hạ tầng xã hội cấp đô thị: Tập trung chủ yếu ở 05 đô thị : Kỳ Đồng, Kỳ Phong, Kỳ Xuân, Lâm Hợp, Kỳ Trung với quỹ đất xây dựng các công trình chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng, y tế, TDTT ... cấp đô thị. Vị trí cụ thể được quy định tại các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Hạ tầng xã hội cấp xã: Được bố trí tại trung tâm của các xã, bao gồm quỹ đất xây dựng các công trình trung tâm chính trị, hành chính, thiết chế văn hóa cấp xã. Các vị trí công trình cụ thể được quy định trong các đề án quy hoạch nông thôn.

1.2. Quy định đối với mạng lưới công trình Y tế

Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, cải tạo trung tâm y tế huyện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh theo quy mô dân số từng giai đoạn. Nâng cấp mạng lưới trạm y tế các xã đạt chuẩn.

1.3. Quy định đối với mạng lưới Văn hóa, Thể thao

Đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa huyện; nâng cấp, xây mới các Nhà văn hóa xã, đô thị, nhà văn hóa thôn và xây dựng mạng lưới công trình thể thao cấp đô thị, xã, thôn đạt chuẩn.

1.4. Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục

Giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề: Đầu tư, nâng cấp trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện phát triển theo quy mô phù hợp với nhu cầu thực tế.

Giáo dục phổ thông: Nâng cấp cơ sở vật chất hệ thống trường theo quy mô dân số theo từng giai đoạn.

1.5. Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu hướng mới.

Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch; Xây dựng Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ hiện đại, đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

Tại khu vực nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc.

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

2.1. Quy định quản lý cao độ nền

Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng, khoa học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Đối với các khu vực đã có quy hoạch xây dựng (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết) thì tuân thủ theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

Đối với các khu vực chưa có quy hoạch xây dựng: Chọn cốt xây dựng đảm bảo an toàn cho các khu vực xây dựng, phù hợp với đặc điểm, tần suất chống lũ, có tính đến yếu tố biến đổi khí hậu.

2.2. Quy định đối với công trình giao thông

a) Đường bộ:

- Quy hoạch các tuyến Quốc lộ, cao tốc:

+ Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông: Hướng tuyến và quy mô mặt cắt ngang thực hiện theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Tuyến đi qua địa bàn huyện Kỳ Anh có chiều dài khoảng 24,3km; được quy hoạch với quy mô 6 làn xe, đi qua các xã Kỳ Phong, Kỳ Trung, Kỳ Văn, Kỳ Tân và Kỳ Lạc.

+ Đường bộ cao tốc Vũng Áng - Cha Lo (CT.18) kết nối Khu kinh tế Vũng Áng với Lào và vùng Đông Bắc Thái Lan với quy mô như sau: Chiều dài tuyến khoảng 115,0km, đoạn tuyến đi qua địa bàn huyện có quy mô 4 làn xe.

+ Quốc lộ 1: Đoạn đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 22,58km. Định hướng giữ nguyên cấp đường hiện trạng (riêng đoạn tuyến đi qua khu đô thị Kỳ Đồng có quy mô theo đồ án quy hoạch chung đô thị Kỳ Đồng).

+ Quốc lộ 1 tuyến tránh: Đoạn tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 6,75km. Định hướng quy hoạch nâng cấp, mở rộng tuyến đường rộng 32,5m gồm 6 làn xe (kết nối theo đồ án Quy hoạch chung thị xã Kỳ Anh đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

+ Quốc lộ 12C: Tuyến đi qua địa bàn huyện dài khoảng 36,0km. Định hướng quy hoạch đến 2050 nâng cấp tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2-4 làn xe. Đối với những đoạn tuyến đi qua các khu đô thị quy mô quy hoạch theo quy hoạch đô thị.

- Quy hoạch các tuyến đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 547 (ĐT.547): Tuyến đi qua địa bàn huyện có chiều dài khoảng 24,00 km. Định hướng đến năm 2050: Quy hoạch quy mô tuyến tối thiểu là đường cấp III đồng bằng (Bền/Bmặt =12,0m/11,0m).

+ Đường tỉnh 551 (ĐT.551): Chiều dài tuyến khoảng 44,8 km. Định hướng đến năm 2023-2050 nâng cấp tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV (các đoạn tuyến đi qua các khu vực đô thị tuân thủ theo các đồ án được phê duyệt).

+ Đường tỉnh 554 (ĐT.554): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện khoảng 40,0 km. Định hướng đến năm 2023-2050 nâng cấp tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III với quy mô 2 làn xe (các đoạn tuyến đi qua các khu vực đô thị tuân thủ theo các đồ án được phê duyệt).

+ Đường tỉnh 555 (ĐT.555): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện khoảng 7,0 km. Định hướng đến năm 2023-2050 nâng cấp tuyến tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV (các đoạn tuyến đi qua các khu vực đô thị tuân thủ theo các đồ án được phê duyệt).

- Quy hoạch các tuyến đường huyện gồm 9 tuyến, cụ thể:

TT	Tên tuyến đường	Quy hoạch Giai đoạn 2024-2040 (Cấp đường tối thiểu)	Quy hoạch giai đoạn đến năm 2050 (Cấp đường tối thiểu)
1	Đường Bắc – Xuân (ĐH.86)	Đô thị IV ĐB	Đô thị IV ĐB
2	Đường Tiến – Xuân (ĐH.87)	III ĐB	III ĐB
3	Đường Đồng - Giang - Trung (ĐH.88)	III MN	III MN
4	Đường QL1 – Biển Kỳ Khang (ĐH.89)	III ĐB	III ĐB
5	Đường Thọ - Ninh (ĐH.90)	IV ĐB	III ĐB
6	Đường Thọ - Trung (ĐH.91)	III MN	III MN
7	Đường Văn – Tây (ĐH.92)	III MN	III ĐB
8	Đường Sơn – Thượng (ĐH.93)	IV MN	III MN
9	Đường Sơn – Lạc (ĐH.94)	IV MN	III MN

- Quy hoạch các tuyến đường liên xã gồm 18 tuyến, cụ thể:

TT	Tên tuyến đường	Quy hoạch Giai đoạn 2024-2040 (Cấp đường tối thiểu)	Quy hoạch giai đoạn đến năm 2050 (Cấp đường tối thiểu)
1	Đường liên xã Phong - Bắc (LX.1)	IV ĐB	IV ĐB
2	Đường liên xã Kỳ Phong – Cẩm Minh (LX.2)	III ĐB	III ĐB
3	Đường liên xã Kỳ Xuân – Cẩm Lĩnh (LX.3)	Đô thị V miền núi	Đô thị III miền núi
4	Đường liên xã Tiến – Xuân (LX.4)	Đô thị IV ĐB	Đô thị IV ĐB
5	Đường liên xã Xuân – Phú (LX.5)	IV ĐB	IV ĐB
6	Đường liên xã Phú – Khang (LX.6)	IV ĐB	IV ĐB
7	Đường liên xã Khang – Ninh (LX.7)	V ĐB	IV ĐB
8	Đường liên xã Khang - Thọ (LX.8)	IV ĐB	IV ĐB
9	Đường liên xã Thọ - Thư (LX.9)	V ĐB	IV ĐB
10	Đường liên xã Văn - Thư - Hải (LX.10)	IV ĐB	IV ĐB
11	Đường liên xã Văn – Tân (LX.11)	IV ĐB	IV ĐB
12	Đường liên xã Tân – Lâm Hợp (LX.12)	III MN IV ĐB	III MN IV ĐB

13	Đường liên xã Châu – Hải (LX.13)	Đô thị IV ĐB	Đô thị IV ĐB
14	Đường liên xã Trung - Tây – Văn (LX.14)	V ĐB	IV ĐB
15	Đường Giang- Trung (LX.15)	V MN	III MN
16	Đường liên xã Tây – Thượng (LX.16)	IV MN	III MN
17	Đường liên xã Kỳ Lạc – Ngư Hóa (LX.17)	IV MN	III MN
18	Đường liên xã Kỳ Đông - Kỳ Khang (LX.18)	Đô thị VI ĐB	Đô thị V ĐB

- Quy hoạch các tuyến đường chiến lược phát triển kinh tế xã hội:

Định hướng quy hoạch mới 03 tuyến đường chiến lược: Tuyến đường chiến lược phát triển du lịch biển Khang - Phú; tuyến đường chiến lược phát triển kinh tế xã hội Đông - Phú - Khang; tuyến đường chiến lược phát triển kinh tế xã hội Kỳ Đông - Kỳ Khang.

- Quy hoạch hệ thống bến xe: Bến xe khách huyện Kỳ Anh (Kỳ Đông); Bến xe Kỳ Lâm.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch 04 điểm đỗ xe tại các xã Kỳ Phong, Kỳ Phú, Kỳ Thọ và khu vực bãi tắm Kỳ Xuân.

b) Mạng lưới đường thủy

- Quy hoạch tuyến sông Kinh đoạn từ Kỳ Tiến đến Kỳ Hải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật sông cấp V.

- Giai đoạn đến 2040 định hướng quy hoạch 08 bến thủy nội địa (1 bến do tỉnh quản lý và 7 bến do địa phương quản lý). Cụ thể: Bến thủy tại thôn Vĩnh Phú, xã Kỳ Khang; xung quanh hồ Rào Trỏ bố trí 04 bến thuyền; xung quanh hồ Sông Rác bố trí 03 bến thuyền.

c) Hệ thống đường sắt:

Quy hoạch 2 tuyến đường sắt: Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, Tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ.

2.3. Quy định đối với công trình cấp nước

Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt, phù hợp với xu thế mới.

a) Cấp nước sinh hoạt

- Nhà máy cấp nước cho khu vực Kỳ Đông và vùng phụ cận công suất là 20.000 m³ /ngđ; cấp nước cho các xã Kỳ Bắc, Kỳ Tiến, Kỳ Giang, Kỳ Phú, Kỳ Khang, đô thị Kỳ Xuân, Kỳ Phong và đô thị Kỳ Đông.

- Nhà máy nước Lâm Hợp: Công suất 3.000 m³ /ngđ và nhà máy nước Kỳ Lạc công suất 1.000 m³ /ngđ; cấp nước cho 02 xã Kỳ Lạc, Kỳ Sơn và đô thị Lâm Hợp.

- Nhà máy nước Kỳ Thượng: Công suất 5.000 m³ /ng.đ, nguồn nước cấp lấy từ hồ Rào Trỏ; cấp nước cho 02 xã Kỳ Thượng, Kỳ Tây và đô thị Kỳ Trung.

- Nhà máy nước Khu kinh tế Vũng Áng cấp nước cho các xã Kỳ Thu, Kỳ Châu, Kỳ Hải, Kỳ Văn, Kỳ Tân và Kỳ Thọ.

b) Quy hoạch thủy lợi: Giải pháp cấp nước nông nghiệp toàn huyện được phân ra 3 vùng cấp nước như sau:

- Vùng I: Gồm các xã Kỳ Xuân, Kỳ Bắc, Kỳ Phong, Kỳ Tiến, Kỳ Giang, Kỳ Phú, một phần Kỳ Khang, Kỳ Trung và Kỳ Đông. Sử dụng hệ thống cấp nước tưới từ kênh N1 và N1-1 của hệ thống thủy lợi sông Rác, kênh Nhà Lê và các hồ, đập nhỏ và các nhánh sông đi qua khu vực.

- Vùng II: Gồm một phần xã Kỳ Khang, xã Kỳ Thọ, một phần xã Kỳ Thu và một phần xã Kỳ Văn. Sử dụng nguồn nước từ các kênh của hệ thống thủy lợi sông Rác thông qua các tuyến kênh chính N1-2, N1-3 và các hồ, đập nhỏ và các nhánh sông đi qua khu vực thông qua các trạm bơm nhỏ phục vụ, trong đó có trạm bơm thôn Tiến Thành 1,2 của xã Kỳ Khang.

- Vùng III: Gồm một phần xã Kỳ Thu, các xã Kỳ Văn, Kỳ Hải, một phần Kỳ Châu và xã Kỳ Tân. Sử dụng nguồn nước từ hệ thống thủy lợi sông Trí thông qua các kênh thủy lợi từ thị xã Kỳ Anh cấp đến.

- Vùng IV: Gồm các xã Kỳ Thượng, Kỳ Sơn, Lâm Hợp, Kỳ Tây, Kỳ Lạc. Theo dự án cấp nước cho Khu kinh tế Vũng Áng, từ hệ thống Rào Trỏ và hồ thượng sông Trí, nước phục vụ canh tác nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, chăn nuôi của vùng này sẽ được lấy từ hồ Rào Trỏ.

2.4. Quy định đối với công trình cấp điện

Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Hà Tĩnh.

Kỳ Anh sử dụng các nguồn điện:

+ Trạm 110/35/22KV Kỳ Anh 2 đặt tại xã Kỳ Đông cấp điện cho huyện Kỳ Anh thông qua lưới điện 22KV, 35KV.

+ Xây dựng nhà máy điện gió: Nhà máy điện gió Kỳ Anh PT1, PT2, PT3 tại xã Kỳ Tân, Kỳ Tây, Lâm Hợp và Kỳ Văn; nhà máy điện gió Kỳ Khang; nhà máy điện gió hồ Đá Cát; nhà máy điện gió Cẩm Lĩnh - Kỳ Bắc...

+ Xây dựng nhà máy điện mặt trời: Nhà máy điện mặt trời hồ Rào Trỏ; nhà máy điện mặt trời Kỳ Sơn...

- Lưới điện: Lưới điện phân phối trung thế 22kV và 35kV: Quy hoạch các tuyến đường dây trung thế đi đến các xã trước khi hạ thế phục vụ nhu cầu dùng điện.

2.5. Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang.

- Thoát nước thải:

+ Khu vực đô thị, công nghiệp, khu du lịch: Quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn và được kiểm soát. Đối với khu vực đô thị hiện hữu sử dụng thoát nước hỗn hợp.

+ Khu vực nông thôn: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, sau đó xả ra hệ thống thoát nước chung, dẫn ra ao hồ để xử lý sinh học.

- Chất thải rắn (CTR):

+ Chất thải rắn Y tế: Thu gom, phân loại tại các cơ sở y tế, sau đó được vận chuyển về các khu xử lý rác thải hợp vệ sinh, đảm bảo theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp: Khai thác tối đa công suất Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp tại xã Kỳ Tân để xử lý chất thải công nghiệp trong các cụm công nghiệp và các địa bàn khác trong tỉnh.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải rắn Hoành Sơn tại xã Kỳ Tân.

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang tại các xã tuân thủ theo quy hoạch chung xây dựng đô thị và quy hoạch chung xây dựng các xã. Quy hoạch 01 nghĩa trang tập trung tại xã Kỳ Tiến và 01 nghĩa trang chung cho đô thị Kỳ Xuân và các vùng phụ cận. Một số nghĩa trang có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và quy hoạch sử dụng đất phải có các giải pháp đề xuất điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tổng thể quy hoạch vùng huyện.

2.6. Quy định đối với công trình thông tin liên lạc

Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hiện trạng. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu, truy cập Internet và mạng truyền thanh, truyền hình.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ

1.1 Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16% đến 18%.

1.2. Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.3. Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BDTVT ngày

23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của bộ trưởng bộ giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-cp ngày 24 tháng 02 năm 2010 của chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD – Công trình giao thông.

1.5. Đối với đường Thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước. Nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo “ Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt – nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt”. Chất lượng nước sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD – Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi tối thiểu 30m kể từ chân tường các công trình xử lý.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát. Trong các khu cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước thải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng.

3.3. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm.

3.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ Thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.5. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD - Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

6.1. Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

6.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

7.1. Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định 23/2016/NĐ-CP Về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

7.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

8. Quy định về bảo vệ môi trường

8.1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Thông tư 01/2011/TT-BXD

ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về việc đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

8.2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về “Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch” được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

8.3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

8.4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh

Quản lý thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng

2.1. Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hóa số năm 2013; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh;

2.2. Di tích xếp hạng cấp Quốc gia gồm: Đền Phương Giai, Lũy đá cổ Kỳ Anh.

2.3. Di tích xếp hạng cấp Tỉnh gồm: Khu mộ Mai Lão Bạng, Mộ và Đền thờ Phạm Hoàn, Nhà thờ họ Võ Xuân, Chùa Phúc Tự Toàn (chùa Dền), Đền thờ Lê Tuấn, Chùa Hữu Lạc, Nhà thờ họ Nguyễn Tiên, Nhà thờ họ Đào, Đền Lê Thát, Nhà thờ Nguyễn Văn Tuấn và Nguyễn Văn Vỹ, Nhà thờ Trần Công Thương, Mộ Nguyễn Thành Hương, Đền thờ Dương Trí Tri.

3. Quy định về bảo vệ, bảo tồn các khu vực khác

3.1. Khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng

Vùng huyện Kỳ Anh rừng phòng hộ phân bố ở vùng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ ven sông. Phục hồi và phát triển bền vững hệ thống rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn bền vững để bảo vệ các cơ sở nuôi trồng thủy sản (tôm, cá), vùng sản xuất nội đồng, khu công nghiệp, khu du lịch nghỉ mát. Rừng phòng hộ cần được bảo vệ nhằm bảo vệ cho nguồn nước, đất, điều hòa khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học,...

Vùng huyện Kỳ Anh có khu vực rừng đặc dụng phân bố ở phía Tây của huyện. Việc phát triển, sử dụng rừng đặc dụng phải bảo đảm sự phát triển tự nhiên của rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và cảnh quan khu rừng, bảo tồn nguồn gen, trong đó quan tâm đặc biệt đến các loài động vật đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm.

3.2. Khu vực hồ đập

Toàn huyện có 29 hồ chứa nước quy mô lớn. Khi khai thác du lịch và nguồn nước ngọt cung cấp sinh hoạt cần có các biện pháp bảo vệ an toàn hồ đập và lưu vực nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, an toàn hồ đầu nguồn.

3.3. Các khu vực di tích, bảo tồn : có các giải pháp trong quá trình cải tạo, xây dựng, quy hoạch phát triển để nhằm bảo tồn các di tích văn hóa lịch sử, di chỉ văn hóa của huyện như: Lũy đá cổ Kỳ Anh, đền Phương Giai, Chùa Dền, Khu mộ Mai Lão Bạng, ...

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn theo lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện công bố, công khai quy định quản lý theo quy định.
- Quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định pháp luật và quy hoạch được duyệt.
- Căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình phê duyệt các quy hoạch khác có liên quan theo thẩm quyền.
- Tổ chức chỉ đạo, thực hiện quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, UBND huyện về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

3. Các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với các cấp có thẩm quyền.

4. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, các nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức các nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 12. Quy định này được ấn hành và lưu trữ cùng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kỳ Anh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Anh.
- Ủy ban nhân dân các xã của huyện Kỳ Anh.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN